

Gia Lai, ngày 20 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Phân khu số 5 và phân khu số 8 thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai)

Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Định Thông báo tiếp tục tổ chức đấu giá các lô đất ở tại Phân khu số 5 và Phân khu số 8 thuộc Khu Đô thị sinh thái Nhơn Hội, xã Nhơn Hội (nay là phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai), cụ thể như sau:

- ❖ Thời gian tổ chức đấu giá: Thứ 7 hàng tuần.
- ❖ Địa điểm tổ chức đấu giá: Tại Văn phòng Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Định, địa chỉ: 120 Diên Hồng, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.
- ❖ Thời gian bán và tiếp nhận hồ sơ mời tham gia đấu giá: Từ ngày niêm yết đến 16h30' Thứ 4 hàng tuần
- ❖ Đối với những lô đất đấu giá không thành, thường xuyên tổ chức đấu giá vào Thứ 7 hàng tuần. Thời gian nộp hồ sơ đăng ký đấu giá vào lúc 16h30' Thứ 4 hàng tuần.

Ký hiệu lô đất	Khu đất, tên đường, lộ giới	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước và tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
A	PHẦN KHU SỐ 5					
I	Khu B-PK 5, KĐT DLST Nhơn Hội					
Lô B6	Đường số 19, LG 27m	151,40	14.813.000	2.242.688.200	448.700.000	68.000.000
Lô B7	Đường số 19, LG 27m	150,70	14.813.000	2.232.319.100	446.600.000	67.000.000
Lô B8	Đường số 19, LG 27m	150,30	14.813.000	2.226.393.900	445.400.000	67.000.000
Lô B10	Đường số 19, LG 27m	150,40	14.813.000	2.227.875.200	445.700.000	67.000.000
II	Khu C-PK 5, KĐT DLST Nhơn Hội					
Lô C6	Đường số 1, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C7	Đường số 1, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C10	Đường số 1, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C11	Đường số 1, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C12	Đường số 1, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C13	Đường số 1, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C14	Đường số 1, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C20	Đường số 2, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C21	Đường số 2, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C22	Đường số 2, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C23	Đường số 2, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C24	Đường số 2, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C27	Đường số 2, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C28	Đường số 2, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C29	Đường số 2, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C30	Đường số 2, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô C31	Đường số 2, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000

Ký hiệu lô đất	Khu đất, tên đường, lộ giới	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước và tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
III	Khu N-PK 5, KĐT DLST Nhơn Hội					
Lô N4	Đường số 16, lộ giới 12m	132,00	10.167.000	1.342.044.000	268.600.000	41.000.000
Lô N13	Đường số 17, lộ giới 12m	141,30	10.167.000	1.436.597.100	287.500.000	44.000.000
Lô N14	Đường số 17, lộ giới 12m	140,70	10.167.000	1.430.496.900	286.200.000	43.000.000
Lô N15	Đường số 17, lộ giới 12m	141,50	10.167.000	1.438.630.500	287.900.000	44.000.000
Lô N16	Đường số 17, lộ giới 12m	141,40	10.167.000	1.437.613.800	287.700.000	44.000.000
Lô N17	Đường số 17, lộ giới 12m	141,30	10.167.000	1.436.597.100	287.500.000	44.000.000
Lô N18	Đường số 17, lộ giới 12m	140,80	10.167.000	1.431.513.600	286.500.000	43.000.000
IV	Khu O-PK 5, KĐT DLST Nhơn Hội					
Lô O3	Đường số 16, lộ giới 12m	133,40	10.167.000	1.356.277.800	271.400.000	41.000.000
Lô O5	Đường số 16, lộ giới 12m	171,80	10.167.000	1.746.690.600	349.500.000	53.000.000
Lô O13	Đường số 16, lộ giới 12m	132,00	10.167.000	1.342.044.000	268.600.000	41.000.000
Lô O14	Đường số 16, lộ giới 12m	132,00	10.167.000	1.342.044.000	268.600.000	41.000.000
Lô O15	Đường số 16, lộ giới 12m	132,00	10.167.000	1.342.044.000	268.600.000	41.000.000
Lô O16	Đường số 16, lộ giới 12m	132,00	10.167.000	1.342.044.000	268.600.000	41.000.000
Lô O20	Đường số 17, lộ giới 12m	133,60	10.167.000	1.358.311.200	271.800.000	41.000.000
Lô O21	Đường số 17, lộ giới 12m	133,60	10.167.000	1.358.311.200	271.800.000	41.000.000
Lô O22	Đường số 17, lộ giới 12m	137,10	10.167.000	1.393.895.700	278.900.000	42.000.000
Lô O23	Đường số 17, lộ giới 12m	140,90	10.167.000	1.432.530.300	286.700.000	43.000.000
Lô O24	Đường số 17, lộ giới 12m	140,60	10.167.000	1.429.480.200	286.000.000	43.000.000
Lô O25	Đường số 17, lộ giới 12m	140,80	10.167.000	1.431.513.600	286.500.000	43.000.000
Lô O26	Đường số 17, lộ giới 12m	140,50	10.167.000	1.428.463.500	285.800.000	43.000.000
Lô O27	Đường số 17, lộ giới 12m	140,60	10.167.000	1.429.480.200	286.000.000	43.000.000
V	Khu S-PK 5, KĐT DLST Nhơn Hội					
Lô S17	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,80	19.526.000	3.823.190.800	764.800.000	115.000.000
Lô S18	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,80	19.526.000	3.823.190.800	764.800.000	115.000.000
Lô S19	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,80	19.526.000	3.823.190.800	764.800.000	115.000.000
Lô S20	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,70	19.526.000	3.821.238.200	764.400.000	115.000.000
Lô S21	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,70	19.526.000	3.821.238.200	764.400.000	115.000.000
Lô S22	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,60	19.526.000	3.819.285.600	764.000.000	115.000.000

Ký hiệu lô đất	Khu đất, tên đường, lộ giới	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước và tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
Lô S23	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,60	19.526.000	3.819.285.600	764.000.000	115.000.000
Lô S24	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,60	19.526.000	3.819.285.600	764.000.000	115.000.000
Lô S25	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,60	19.526.000	3.819.285.600	764.000.000	115.000.000
Lô S26	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,40	19.526.000	3.815.380.400	763.200.000	115.000.000
Lô S27	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,20	19.526.000	3.811.475.200	762.400.000	115.000.000
Lô S28	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,10	19.526.000	3.809.522.600	762.100.000	115.000.000
Lô S29	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,10	19.526.000	3.809.522.600	762.100.000	115.000.000
Lô S30	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,20	19.526.000	3.811.475.200	762.400.000	115.000.000
Lô S31	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,40	19.526.000	3.815.380.400	763.200.000	115.000.000
Lô S32	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,50	19.526.000	3.817.333.000	763.600.000	115.000.000
Lô S33	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,60	19.526.000	3.819.285.600	764.000.000	115.000.000
Lô S34	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,70	19.526.000	3.821.238.200	764.400.000	115.000.000
Lô S35	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	195,60	19.526.000	3.819.285.600	764.000.000	115.000.000
Lô S57	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	195,00	22.211.000	4.331.145.000	866.400.000	130.000.000
Lô S58	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	194,80	22.211.000	4.326.702.800	865.500.000	130.000.000
Lô S59	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	194,70	22.211.000	4.324.481.700	865.000.000	130.000.000
Lô S60	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	194,60	22.211.000	4.322.260.600	864.600.000	130.000.000

Ký hiệu lô đất	Khu đất, tên đường, lộ giới	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước và tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
B	PHẦN KHU SỐ 8					
I	Khu A-PK 8, KĐT DLST Nhơn Hội					
Lô A23	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	198,50	19.526.000	3.875.911.000	775.300.000	117.000.000
Lô A24	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	198,80	19.526.000	3.881.768.800	776.500.000	117.000.000
Lô A25	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	199,30	19.526.000	3.891.531.800	778.500.000	117.000.000
Lô A26	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	199,80	19.526.000	3.901.294.800	780.400.000	118.000.000
Lô A27	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	200,20	19.526.000	3.909.105.200	782.000.000	118.000.000
Lô A28	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	200,50	19.526.000	3.914.963.000	783.100.000	118.000.000
Lô A29	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	200,80	19.526.000	3.920.820.800	784.300.000	118.000.000
Lô A30	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	200,90	19.526.000	3.922.773.400	784.700.000	118.000.000
Lô A31	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	201,20	19.526.000	3.928.631.200	785.900.000	118.000.000
Lô A32	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	201,40	19.526.000	3.932.536.400	786.700.000	118.000.000
Lô A33	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	201,60	19.526.000	3.936.441.600	787.400.000	119.000.000
Lô A34	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	202,00	19.526.000	3.944.252.000	789.000.000	119.000.000
Lô A35	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	202,20	19.526.000	3.948.157.200	789.800.000	119.000.000
Lô A36	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	202,60	19.526.000	3.955.967.600	791.300.000	119.000.000
Lô A37	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	203,10	19.526.000	3.965.730.600	793.300.000	119.000.000

Ký hiệu lô đất	Khu đất, tên đường, lộ giới	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước và tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
Lô A38	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	203,20	19.526.000	3.967.683.200	793.700.000	120.000.000
Lô A39	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	203,30	19.526.000	3.969.635.800	794.100.000	120.000.000
Lô A40	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	203,30	19.526.000	3.969.635.800	794.100.000	120.000.000
Lô A41	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, lộ giới 52m	203,20	19.526.000	3.967.683.200	793.700.000	120.000.000
Lô A42	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, LG 52m	203,40	19.526.000	3.971.588.400	794.500.000	120.000.000
Lô A43	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, LG 52m	206,00	19.526.000	4.022.356.000	804.600.000	121.000.000
Lô A45	Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, LG 52m	443,70	19.526.000	8.663.686.200	1.733.000.000	260.000.000
Lô A46 (lô góc)	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m và Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, LG 52 m	788,20	26.653.200	21.008.052.240	4.201.900.000	631.000.000
Lô A47 (lô góc)	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m và Đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, LG 52 m	807,10	26.653.200	21.511.797.720	4.302.600.000	646.000.000
Lô A48	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	424,00	22.211.000	9.417.464.000	1.883.700.000	283.000.000
Lô A49	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	202,90	22.211.000	4.506.611.900	901.500.000	136.000.000
Lô A54	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	190,10	22.211.000	4.222.311.100	844.600.000	127.000.000
Lô A55	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	189,90	22.211.000	4.217.868.900	843.700.000	127.000.000
Lô A56	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	189,80	22.211.000	4.215.647.800	843.300.000	127.000.000
Lô A57	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	189,70	22.211.000	4.213.426.700	842.800.000	127.000.000
Lô A58	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	189,80	22.211.000	4.215.647.800	843.300.000	127.000.000
Lô A59	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	189,80	22.211.000	4.215.647.800	843.300.000	127.000.000
Lô A60	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	189,70	22.211.000	4.213.426.700	842.800.000	127.000.000
Lô A61	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	189,80	22.211.000	4.215.647.800	843.300.000	127.000.000

Ký hiệu lô đất	Khu đất, tên đường, lộ giới	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước và tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
Lô A62	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	190,00	22.211.000	4.220.090.000	844.200.000	127.000.000
Lô A63	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	190,10	22.211.000	4.222.311.100	844.600.000	127.000.000
Lô A64	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	190,30	22.211.000	4.226.753.300	845.500.000	127.000.000
Lô A65	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	190,30	22.211.000	4.226.753.300	845.500.000	127.000.000
Lô A66	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	190,10	22.211.000	4.222.311.100	844.600.000	127.000.000
Lô A67	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	190,00	22.211.000	4.220.090.000	844.200.000	127.000.000
Lô A68	Đường trục Khu kinh tế, LG 80m	189,90	22.211.000	4.217.868.900	843.700.000	127.000.000
II	Khu B-PK 8, KĐT DLST Nhơn Hội					
Lô B34	Đường số 14, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô B35	Đường số 14, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô B37	Đường số 14, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô B38	Đường số 14, lộ giới 12m	141,20	10.167.000	1.435.580.400	287.300.000	44.000.000
Lô B39	Đường số 14, lộ giới 12m	144,90	10.167.000	1.473.198.300	294.800.000	45.000.000
Lô B40	Đường số 14, lộ giới 12m	302,60	10.167.000	3.076.534.200	615.500.000	93.000.000
Lô B41	Đường số 14, lộ giới 12m	217,00	10.167.000	2.206.239.000	441.400.000	67.000.000
Lô B42	Đường số 14, lộ giới 12m	147,80	10.167.000	1.502.682.600	300.700.000	46.000.000
III	Khu D-PK 8, KĐT DLST Nhơn Hội					
Lô D3	Đường số 11, lộ giới 12m	148,90	10.167.000	1.513.866.300	302.900.000	46.000.000
Lô D5	Đường số 11, lộ giới 12m	151,50	10.167.000	1.540.300.500	308.200.000	47.000.000
Lô D8	Đường số 15, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô D9	Đường số 15, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
Lô D10	Đường số 15, lộ giới 12m	140,00	10.167.000	1.423.380.000	284.800.000	43.000.000
IV	Khu F-PK 8, KĐT DLST Nhơn Hội					
Lô F1 (lô góc)	Đường số 2, Đường số 11 và Đường số 13, lộ giới 18 và 12m và 12m	178,80	16.440.000	2.939.472.000	588.000.000	89.000.000
Lô F2	Đường số 2 và đường số 11, lộ giới 18m và 12m	160,50	13.700.000	2.198.850.000	439.900.000	66.000.000
Lô F3	Đường số 2 và đường số 11, lộ giới 18m và 12m	162,40	13.700.000	2.224.880.000	445.100.000	67.000.000
Lô F4	Đường số 2 và đường số 11, lộ giới 18m và 12m	162,40	13.700.000	2.224.880.000	445.100.000	67.000.000
Lô F5	Đường số 2 và đường số 11, lộ giới 18m và 12m	161,40	13.700.000	2.211.180.000	442.400.000	67.000.000
Lô F9	Đường số 2 và đường số 11, lộ giới 18m và 12m	161,60	13.700.000	2.213.920.000	442.900.000	67.000.000
Lô F10	Đường số 2 và đường số 11, lộ giới 18m và 12m	160,70	13.700.000	2.201.590.000	440.500.000	67.000.000
Lô F11	Đường số 2 và đường số 11, lộ giới 18m và 12m	157,60	13.700.000	2.159.120.000	432.000.000	65.000.000

Ký hiệu lô đất	Khu đất, tên đường, lộ giới	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước và tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
Lô F12	Đường số 2 và đường số 11, lộ giới 18m và 12m	152,20	13.700.000	2.085.140.000	417.200.000	63.000.000
Lô F13	Đường số 2 và đường số 11, lộ giới 18m và 12m	146,60	13.700.000	2.008.420.000	401.800.000	61.000.000
Lô F14	Đường số 2 và đường số 11, lộ giới 18m và 12m	140,80	13.700.000	1.928.960.000	385.900.000	58.000.000
Lô F15	Đường số 2 và đường số 11, lộ giới 18m và 12m	135,80	13.700.000	1.860.460.000	372.200.000	56.000.000
Lô F16	Đường số 2 và đường số 11, lộ giới 18m và 12m	135,70	13.700.000	1.859.090.000	372.000.000	56.000.000
Lô F17	Đường số 2 và đường số 11, lộ giới 18m và 12m	147,50	13.700.000	2.020.750.000	404.300.000	61.000.000
Lô F19	Đường số 2 và đường số 11, lộ giới 18m và 12m	156,00	13.700.000	2.137.200.000	427.600.000	65.000.000

❖ **Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:** Thực hiện theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định và các Quyết định của cấp có thẩm quyền.

❖ **Thời gian xem tài sản:** Liên tục từ ngày Thông báo cho đến ngày mở cuộc đấu giá.

❖ **Điều kiện và cách thức đăng ký tham gia đấu giá:** Cá nhân đăng ký tham gia đấu giá nộp bộ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá, gồm:

- Phiếu đăng ký đấu giá (mẫu do Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Định phát hành)
- Chứng từ nộp tiền đặt trước và tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá
- Bản sao Căn cước công dân/Căn cước
- Phiếu trả giá vòng gián tiếp (vòng 1)

* Tất cả các loại giấy tờ trên bỏ vào phong bì đã phủ chất bảo mật do Công ty cung cấp, dán, ký các mép phong bì và nộp vào thùng đăng ký đấu giá.

❖ **Tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá:**

- Giá trị quyền sử dụng đất từ 1 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng: 200.000 đồng/hồ sơ
- Giá trị quyền sử dụng đất từ 5 tỷ đồng: 300.000 đồng/hồ sơ

(Tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá đã được cộng chung với tiền đặt trước theo bảng trên)

❖ **Tiền đặt trước và tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá:** Nộp riêng từng lô đất đúng số tiền như trên (không được nộp gộp và nộp nhiều chứng từ cho 01 lô đất), vào tài khoản Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Định, tại các ngân hàng sau:

- Tài khoản số: 0051000097979 tại VCB Bình Định
- Tài khoản số: 1355 777 777 tại VCB Quy Nhơn
- Tài khoản số: 5583858888 tại BIDV Quy Nhơn
- Tài khoản số: 5806666888 tại BIDV Bình Định
- Tài khoản số: 4300333666999 tại Agribank Bình Định
- Tài khoản số: 114002776548 tại Vietinbank Phú Tài

Nội dung nộp tiền: (Họ tên người tham gia đấu giá) nộp tiền đấu giá đất Nhơn Hội

❖ **Phương thức đấu giá:** Trả giá lên; đấu giá riêng từng lô đất.

- ❖ **Hình thức đấu giá:** Kết hợp đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp và đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá (*chi tiết xem Quy chế đấu giá QSD đất*).
- ❖ **Người có tài sản đấu giá:** Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai.
Địa chỉ: Số 281 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.
- ❖ **Thời gian nộp tiền trúng đấu giá:**
 - Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất của cơ quan Thuế.
 - Nếu quá thời hạn nộp tiền như trên thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định.
 - Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc nộp không đủ tiền trúng đấu giá trong vòng 120 ngày, kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá thì sẽ bị hủy kết quả đấu giá và sung công quỹ Nhà nước số tiền đặt cọc.
- ❖ **Khách hàng cần biết thêm chi tiết liên hệ tại:**
Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Định
Địa chỉ: 120 – Diên Hồng, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: (0256) 3521281 – 2468386
Xem website: <https://daugiahopdanhbinhdinh.com/>; <https://dgts.moj.gov.vn/>
hoặc <https://taisancong.vn/>


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tấn Thương